

Số: /TTr-UBND

Hồng Lĩnh, ngày tháng 12 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị thông qua dự toán thu, chi ngân sách nhà nước  
và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm 2024 - 2026;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 245/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020, Nghị quyết số 68/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 245/2020/NQ-HĐND về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Hà Tĩnh; Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu và phân cấp nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ vào khả năng thực hiện dự toán thu, chi ngân sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; nhiệm vụ chính trị được giao của từng cơ quan, đơn vị; các chế độ, chính sách, định mức thu, chi ngân sách theo quy định hiện hành và tình hình nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;

Để thực hiện tốt các yêu cầu nhiệm vụ đặt ra và hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024, Ủy ban nhân dân thị xã kính đề nghị Hội đồng nhân dân thị xã khóa VII, kỳ họp thứ 16 xem xét phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2024, với các nội dung cụ thể như sau:

### **I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN: 125.000 triệu đồng.**

Trong đó:

1. Thu từ xí nghiệp quốc doanh:	100 triệu đồng.
2. Thu ngoài quốc doanh:	19.000 triệu đồng.
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	1.800 triệu đồng.
4. Thu cấp quyền sử dụng đất:	65.000 triệu đồng.
5. Thuế thu nhập cá nhân:	5.000 triệu đồng.
6. Lệ phí trước bạ:	18.000 triệu đồng.
7. Phí, lệ phí:	2.070 triệu đồng.
8. Tiền thuê đất:	10.000 triệu đồng.
10. Thu khác ngân sách:	4.000 triệu đồng.
11. Thu hoa lợi công sản:	30 triệu đồng.

### **II. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ**

1. Thu ngân sách cấp thị xã:	453.450 triệu đồng.
- Thu từ thuế, phí, lệ phí và tiền đất ngân sách cấp thị xã được hưởng theo tỷ lệ điều tiết:	83.021 triệu đồng.
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên:	370.429 triệu đồng.
+ Bổ sung cân đối ngân sách:	325.429 triệu đồng.
+ Bổ sung có mục tiêu:	45.000 triệu đồng.
2. Chi ngân sách cấp thị xã:	453.450 triệu đồng.
2.1. Chi nhiệm vụ của NS cấp thị theo phân cấp:	416.752 triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển:	52.000 triệu đồng.
- Chi thường xuyên:	360.517 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách:	4.235 triệu đồng.
2.2. Chi trợ cấp cân đối ngân sách phường, xã:	36.698 triệu đồng.

### **III. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG, XÃ**

1. Tổng thu NS cấp phường, xã được hưởng:	53.453 triệu đồng.
---	--------------------

- Thu từ thuế, phí, lệ phí và tiền đất ngân sách cấp phường, xã được hưởng theo tỷ lệ điều tiết:	16.755 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối ngân sách:	36.698 triệu đồng.
2. Tổng chi ngân sách cấp phường, xã:	53.453 triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển:	13.000 triệu đồng.
- Chi thường xuyên:	39.541 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách:	912 triệu đồng.

*(Có các Phụ lục chi tiết kèm theo)*

Ủy ban nhân dân thị xã kính đề nghị Hội đồng nhân dân thị xã kỳ họp thứ 16, khóa VII xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực: Thị ủy, HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- Các vị Đại biểu HĐND thị xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hùng**

**PHỤ LỤC**  
**Phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước và bố trí**  
**vốn đầu tư phát triển năm 2024**  
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2023  
của Ủy ban nhân dân thị xã)

**I. Tổng chi ngân sách cấp thị xã: 453.450 triệu đồng.**  
**1. Chi ngân sách cấp thị xã theo phân cấp: 416.752 triệu đồng.**  
**1.1. Chi đầu tư phát triển: 52.000 triệu đồng.**

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

TT	Tên dự án	Số tiền
<b>I</b>	<b>TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN VÀ HOÀN THÀNH</b>	<b>7.016.366</b>
1	Nâng cấp, sửa chữa và trang sắm thiết bị các phòng, ban cơ quan HĐND - UBND thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 2).	149.000
2	Xây dựng mái che nhà ăn; thay thế mái tôn các nhà thuộc doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Hồng Lĩnh.	332.000
3	Lắp đặt hệ thống camera an ninh trật tự, xây dựng phần mềm thành phần phục vụ công điều hành nội bộ trên địa bàn thị xã.	502.433
4	Xây dựng 02 tuyến đường giao thông (gồm cả hệ thống cấp điện, cấp nước) và mương thoát nước tại Khu dân cư Tổ dân phố 6, phường Đậu Liêu (giai đoạn 3).	175.870
5	Xây dựng 02 tuyến đường giao thông (gồm cả hệ thống cấp điện, cấp nước) và mương thoát nước tại Khu dân cư Tổ dân phố 6, phường Đậu Liêu (giai đoạn 4).	269.292
6	Đường giao thông nối từ Quốc lộ 8 (tại Km0+879) đến đường trục TDP1, phường Nam Hồng.	400.000
7	Cầu Ông Đạt, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh.	3.000.000
8	Hệ thống điện chiếu sáng QL1 đoạn từ Km481+290 đến Km485+400 đoạn qua thị xã Hồng Lĩnh.	1.500.000
9	Lát vỉa hè và trồng cây đường Quang Trung (đoạn từ đường Phan Kính đến vòng xoay Bùi Cẩm Hồ).	400.000
10	Cải tạo, nâng cấp đường từ Quốc lộ 1A đến đường Kinh Dương Vương, phường Đức Thuận.	287.771
<b>II</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP</b>	<b>11.000.000</b>
1	Xây dựng tuyến đường vào khu dân cư xen đăm tổ dân phố 1, 2 phường Đậu Liêu.	1.500.000
2	Lát vỉa hè đường Quang Trung (đoạn từ cầu Treo Vọt đến bến xe Hồng Lĩnh).	1.000.000

3	Quảng trường thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1).	5.000.000
4	Xây dựng 03 tuyến đường giao thông (bao gồm cả hệ thống cấp điện, cấp nước) tại khu dân cư Nền Tề thôn Thuận Giang, xã Thuận Lộc.	1.000.000
5	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc công an phường Đậu Liêu.	500.000
6	Trụ sở làm việc công an xã Thuận Lộc.	2.000.000
<b>III</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI</b>	<b>8.950.000</b>
1	Hạ tầng kỹ thuật khu công viên trung tâm thị xã Hồng Lĩnh (giai đoạn 1).	5.000.000
2	Trang sắm thiết bị cơ quan Thị ủy.	950.000
3	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Khuyến, phường Trung Lương (giai đoạn 1).	1.500.000
4	Cải tạo, nâng cấp đường Thái Kính (giai đoạn 2).	1.500.000
<b>IV</b>	<b>KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT; THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI; LẬP ĐỀ CƯƠNG QUY HOẠCH CHUNG; QUY HOẠCH CHI TIẾT CÁC KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>2.050.000</b>
<b>V</b>	<b>KINH PHÍ ĐỐI ỨNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>4.000.000</b>
1	Bồi trí kinh phí đối ứng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường trục chính trung tâm thị xã.	4.000.000
<b>VI</b>	<b>ĐẦU TƯ 100% KINH PHÍ XÂY DỰNG NHÀ VĂN HÓA THÔN, TDP THEO NGHỊ QUYẾT 37/2022/NQ-HĐND CỦA HĐND THỊ XÃ</b>	<b>9.500.000</b>
<b>VII</b>	<b>HỖ TRỢ CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ TẠI CÁC PHƯỜNG, XÃ; CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÔ THỊ VĂN MINH TẠI PHƯỜNG ĐẬU LIÊU VÀ ĐỀ ÁN NÂNG CẤP XÃ THUẬN LỘC</b>	<b>9.483.634</b>
1	Hỗ trợ lại cho xã Thuận Lộc và phường Đậu Liêu theo Nghị quyết của HĐND thị xã.	1.000.000
2	Trả nợ các công trình xây dựng hoàn thành năm 2021 và 2022 (bố trí 25% nhu cầu vốn còn thiếu).	8.483.634
	<b>Tổng cộng =</b>	<b>52.000.000</b>

**1.2. Chi thường xuyên và dự phòng ngân sách: 364.752 triệu đồng.**

Đơn vị tính: Nghìn đồng

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>Số tiền</b>
<b>I</b>	<b>CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ</b>	<b>41.590.858</b>
1	Văn phòng Thị ủy.	13.246.781
2	Văn phòng Hội đồng nhân dân.	1.884.680
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân thị xã.	12.953.747
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị xã.	2.601.629
5	Thị đoàn.	1.063.321
6	Hội Liên hiệp Phụ nữ.	817.266
7	Hội Nông dân.	961.799
8	Hội Cựu chiến binh.	638.093
9	Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ.	567.320
10	Phòng Giáo dục và Đào tạo.	1.982.091
11	Phòng Tài chính - Kế hoạch.	352.450
12	Phòng Tư pháp.	250.950
13	Phòng Nội vụ.	516.350
14	Phòng Y tế.	218.450
15	Thanh tra thị xã.	250.450
16	Phòng Văn hóa - Thông tin.	791.050
17	Phòng Kinh tế.	109.950
18	Phòng Quản lý đô thị.	89.450
19	Phòng Tài nguyên - Môi trường.	104.450
20	Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội.	99.450
21	Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thị xã.	1.400.000
22	Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ.	40.000
23	Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới.	198.131
24	Trung tâm Hành chính công thị xã.	153.000
26	Thực hiện Đề án cải cách hành chính.	300.000
<b>II</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>	<b>105.422.951</b>
1	Thực hiện các nhiệm vụ phát triển đô thị theo Nghị quyết số 63/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	34.000.000

2	Kinh phí kiến thiết thị chính.	61.302.546
3	Phòng Kinh tế.	375.000
4	Kinh phí hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn.	1.800.000
5	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.	1.808.000
6	Kinh phí hỗ trợ phát triển đất trồng lúa.	1.608.000
7	Phòng Quản lý đô thị.	224.000
8	Phòng Tài nguyên - Môi trường.	495.000
9	Trung tâm Ứng dụng KH-CN và BV cây trồng vật nuôi.	2.151.613
10	Đội Quản lý trật tự đô thị.	874.933
11	Kinh phí phòng chống cháy rừng.	250.000
12	Kinh phí phòng chống bão lụt.	50.000
13	Văn phòng Thường trực phòng chống bão lụt thị xã (thuộc phòng Kinh tế).	83.860
14	Kinh phí xác định giá đất.	400.000
<b>III</b>	<b>SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG</b>	<b>17.500.000</b>
1	Kinh phí thu gom, xử lý rác thải, tiền điện chiếu sáng công cộng, chăm sóc cây cảnh đường phố năm 2024.	16.500.000
2	Kinh phí trả nợ thanh lý hợp đồng dịch vụ công ích năm 2023.	1.000.000
<b>IV</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>	<b>134.073.128</b>
1	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị.	1.942.128
2	Kinh phí sự nghiệp giáo dục và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn.	132.131.000
2.1	Kinh phí phân bổ về các Trường học.	105.710.033
2.2	Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất các Trường học trên địa bàn.	25.691.367
2.3	Kinh phí hỗ trợ hoạt động các Trung tâm học tập cộng đồng.	129.600
2.4	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát triển giáo dục giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 96/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020.	600.000
<b>V</b>	<b>SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - TRUYỀN THÔNG</b>	<b>4.290.527</b>
1	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông.	3.790.527
2	Kinh phí thực hiện Đề án phát triển Thể dục - Thể thao.	150.000
3	Kinh phí thực hiện Đề án phát triển Du lịch.	150.000
4	Kinh phí xây dựng Đề án chuyển đổi số thị xã Hồng Lĩnh giai đoạn 2024-2027, định hướng đến năm 2030.	200.000

<b>VI</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ</b>	
1	Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh.	15.211.258
-	Bộ phận Y tế dự phòng thị xã.	8.897.745
-	Bộ phận Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.	911.378
-	Bộ phận khám chữa bệnh.	4.500.000
2	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ hoạt động y tế.	9.416.398
3	Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng.	2.617.580
-	Bảo hiểm y tế người nghèo.	521.000
-	Bảo hiểm y tế Cựu chiến binh.	658.040
-	Bảo hiểm y tế cho đối tượng TNXP, DQDK.	568.600
-	Bảo hiểm y tế đối tượng bảo trợ xã hội.	869.940
<b>VII</b>	<b>CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI</b>	<b>16.083.357</b>
1	Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội.	12.377.400
2	Bảo hiểm xã hội Hồng Lĩnh.	1.550.000
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người dân đóng BHXH, BHYT theo Nghị quyết số 95/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của HĐND thị xã.	1.520.000
-	Kinh phí hoạt động Ban Chỉ đạo thực hiện Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế toàn dân thị xã Hồng Lĩnh.	30.000
3	Hội Nạn nhân chất độc da cam.	74.500
4	Hội Bảo trợ người tàn tật.	136.200
5	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ bảo trợ xã hội.	350.000
6	Hội Người mù.	456.665
7	Hội Chữ Thập đỏ.	349.877
8	Hội Người cao tuổi.	192.315
9	Hội Đông y.	20.000
10	Hội Liên hiệp Khoa học kỹ thuật thị xã.	40.000
11	Hội Khuyến Học - Giáo chức.	211.200
12	Hội Cựu Thanh niên xung phong.	145.200
13	Hội Luật gia.	20.000
14	Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	20.000
15	Hội Doanh nghiệp.	20.000
16	Kinh phí hoạt động của CLB nữ doanh nhân và CLB nữ lãnh đạo quản lý.	40.000
<b>VIII</b>	<b>CHI QUỐC PHÒNG - AN NINH</b>	<b>5.930.943</b>



1	Ban chỉ huy Quân sự thị xã.	4.206.193
2	Công an thị xã.	1.124.750
3	Kinh phí thị xã tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam, 35 năm ngày hội quốc phòng toàn dân, tổ chức đại hội thi đua quyết thắng LLVT thị xã giai đoạn 2019 - 2024.	600.000
<b>IX</b>	<b>HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỦA KHỐI NỘI CHÍNH VÀ CÁC CƠ QUAN</b> (Viện kiểm sát, Liên đoàn Lao động thị xã, Thi hành án, Kho bạc, Kiểm lâm, Phòng cháy chữa cháy, Cụm 8, Chi cục thống kê, Chi cục Thuế khu vực Hồng Lĩnh Can Lộc, Bảo hiểm xã hội Hồng Lĩnh (10 đơn vị x 30 triệu đồng/đơn vị); Tòa án 30 triệu đồng; Hội thẩm 20 triệu đồng).	<b>350.000</b>
<b>X</b>	<b>CHI KHÁC NGÂN SÁCH</b>	<b>3.500.000</b>
<b>XI</b>	<b>CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHƯA PHÂN BỐ CHO ĐƠN VỊ</b>	<b>2.730.000</b>
1	Kinh phí tuyên truyền quảng bá về thị xã Hồng Lĩnh.	200.000
2	Kinh phí CB, CC, viên chức đi tập huấn dài ngày và các đoàn đi công tác chưa bố trí dự toán đầu năm.	300.000
3	Kinh phí tiếp các đoàn khách về làm việc tại thị xã.	500.000
4	Kinh phí biên soạn niên giám thống kê năm 2023.	30.000
5	Kinh phí tổ chức các hoạt động nhân ngày Giỗ tổ Hùng Vương.	500.000
6	Kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Doanh nhân Việt Nam.	500.000
7	Kinh phí thực hiện Đề án 2031 "Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thi hành án hình sự và tái hòa nhập cộng đồng".	150.000
8	Kinh phí thực hiện Đề án 06 "Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030".	150.000
9	Kinh phí thực hiện Đề án mở rộng thị xã.	400.000
<b>XII</b>	<b>KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO</b>	<b>100.000</b>
<b>XIII</b>	<b>BAN AN TOÀN GIAO THÔNG</b>	<b>200.000</b>
<b>XIV</b>	<b>KINH PHÍ HỖ TRỢ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VAY VỐN CHO HỘ CHÍNH SÁCH</b>	<b>1.500.000</b>
<b>XV</b>	<b>DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	<b>4.235.000</b>
	<b>TỔNG CỘNG =</b>	<b>364.752.000</b>

## 2. Chi trợ cấp cân đối ngân sách phường, xã: 36.698 triệu đồng.

2.1. Phường Bắc Hồng:	6.322 triệu đồng.
2.2. Phường Nam Hồng:	6.036 triệu đồng.
2.3. Phường Đức Thuận:	5.700 triệu đồng.
2.4. Phường Trung Lương:	6.536 triệu đồng.
2.5. Phường Đậu Liêu:	6.032 triệu đồng.
2.6. Xã Thuận Lộc:	6.072 triệu đồng.

## II. Tổng chi ngân sách cấp phường, xã: 53.453 triệu đồng.

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

Số TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Bao gồm		
			Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Dự phòng ngân sách
1	Phường Bắc Hồng	8.090.139	800.000	7.154.907	135.232
2	Phường Nam Hồng	7.726.029	800.000	6.796.882	129.147
3	Phường Đức Thuận	9.317.734	3.000.000	6.161.980	155.754
4	Phường Trung Lương	8.311.079	1.400.000	6.772.152	138.927
5	Phường Đậu Liêu	8.677.667	2.000.000	6.532.613	145.054
6	Xã Thuận Lộc	11.330.352	5.000.000	6.122.155	208.198
	<b>Tổng cộng =</b>	<b>53.453.000</b>	<b>13.000.000</b>	<b>39.540.689</b>	<b>912.312</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ**